

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2020/HC-PT

Ngày: 23-9-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về việc bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 271/2020/TLPT-HC ngày 31/3/2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1545/2019/HC-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 652/2020/QĐPT-HC ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh. (theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh).

- *Người bị kiện:* Ủy ban Nhân dân Quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Nam K - Chuyên viên ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận TD. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/5/2018, 16/8/2018 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện là Bà Vũ Thị H do ông Trịnh Đức Huy, ông Nguyễn Xuân Diện là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H là chủ sở hữu, chủ sử dụng nhà đất số 20/24B đường Xa lộ Hà Nội, Tổ 10, Khu phố 6, phường Linh Trung, quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà 20/24B) có diện tích 280 m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 28 - TL BĐĐC năm 2004.

Năm 2009, người khởi kiện nhận được Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 23/3/2009 của UBND quận TD thu hồi phần diện tích 181,9 m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại số 20/24B. Không đồng ý với Quyết định số 2253/QĐ-UBND nên người khởi kiện đã khiếu nại theo luật định. Đến ngày 16/6/2011, UBND quận TD ban hành Quyết định số 3523/QĐ-UBND thu hồi và huỷ bỏ Quyết định số 2253/QĐ-UBND.

Năm 2013, người khởi kiện nhận được Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND quận TD về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương. Trong Quyết định này, UBND quận TD đã căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhưng lại thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương là mâu thuẫn. Không đồng ý với Quyết định số 6213/QĐ-UBND, người khởi kiện đã thực hiện khiếu nại.

Ngày 01/10/2014, UBND quận TD ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Người khởi kiện tiếp tục khiếu nại.

Ngày 13/11/2014, Chủ tịch UBND quận TD đã ban hành Quyết định số 7589/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ngày 08/12/2014, người khởi kiện khiếu nại Quyết định số 7589/QĐ-UBND. Ngày 17/4/2018, người khởi kiện nhận được Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại (lần 2).

Nay người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 6213/QĐ-UBND; Quyết định số 6101/QĐ-UBND; Quyết định số 7589/QĐ-UBND và Quyết định số 1128/QĐ-UBND; Yêu cầu giao trả lại toàn bộ phần diện tích nhà đất 20/24B do cưỡng chế trái quy định pháp luật. Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại do cưỡng chế bồi thường trái pháp luật người khởi kiện không yêu cầu nữa.

Tại văn bản ngày 19/9/2018 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, người bị kiện là UBND quận TD do ông Nguyễn Hữu Anh Tứ là người đại diện theo uỷ quyền và và Chủ tịch UBND quận TD trình bày:

Trong phạm vi giải tỏa để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 3453/QĐ-UB và Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung Quyết định số 3453/QĐ-UB, hộ bà H có phần đất, nhà ở, công trình vật kiến trúc trên đất và tài sản khác nằm trong ranh giải tỏa.

Ngày 02/4/2013, với sự chứng kiến của bà H, tổ công tác gồm đại diện: Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận TD, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận, UBND phường Linh Trung đã lập Biên bản kiểm kê hiện trạng đất, nhà ở, công trình vật kiến trúc trên đất và tài sản khác hộ bà H đang sử dụng nằm trong ranh giải tỏa gồm:

- Thiệt hại về đất: diện tích 187,9 m² trong ranh giải phóng mặt bằng; diện tích 91,3 m² ngoài ranh giải phóng mặt bằng. Hiện trạng: đất trống.

- Thiệt hại về nhà ở, công trình vật kiến trúc trên đất:

- + Nhà ngoài ranh giải phóng mặt bằng (kết cấu: mái tole, không trần, vách xây, cột xây, nền men), diện tích 62,04 m²;

- + Mái che (kết cấu: mái tole, không trần, không vách, cột sắt, nền đất), diện tích 106,78 m².

- Tài sản khác: điện kế chính (01 cái) ngoài ranh; giếng khoan sâu 60m (01 cái) ngoài ranh và thủy kế chính (01 cái) ngoài ranh.

Ngày 13/5/2013, UBND phường Linh Trung lập Giấy xác nhận vị trí, loại đất đối với khu đất của hộ bà H nằm trong phạm vi giải tỏa: diện tích 279,2 m² (trong đó có 187,9 m² nằm trong ranh dự án; 91,3 m² nằm ngoài ranh dự án). Theo tài liệu bản đồ năm 2004: thuộc thửa 96 và một phần đường (diện tích 5,7 m²), tờ bản đồ số 28; có vị trí: mặt tiền Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông Trạm 2 đến ranh tỉnh Bình Dương.

Ngày 13/5/2013, UBND phường Linh Trung lập Giấy xác nhận số 146/GXN-UBND về nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất thời điểm xây dựng, tạo lập nhà và công trình đối với hộ bà Vũ Thị H như sau:

- Về đất:

Trước ngày 30/4/1975: đất công thổ Quốc gia.

Sau ngày 30/4/1975: theo tài liệu 299/TTg đất thuộc một phần thửa 474, loại đất: Hđb và một phần thửa 137, loại đất: Đm, tờ bản đồ số 01 xã Tăng Nhơn Phú, do UB xã đăng ký.

+ Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu Hiền sử dụng từ sau ngày 30/4/1975, đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Văn Sang sử dụng, đến năm 1990 sang nhượng lại cho ông Phan Thanh Bình sử dụng, đến tháng 11/1999 ông Bình sang nhượng lại cho ông Vũ Tiến Lạng sử dụng. Ông Lạng sử dụng đến tháng 02/2002 cho lại bà H sử dụng đến nay;

+ Phần a diện tích 5,7 m² theo tài liệu năm 2004 là đường thực tế có nguồn gốc do ông Hiền sử dụng từ sau ngày 30/4/1975, đến năm 1980 cho lại ông Sang sử dụng, đến năm 1990 sang nhượng lại cho ông Bình sử dụng, đến tháng 11/1999 ông Bình sang nhượng lại cho ông Lạng sử dụng, ông Lạng sử dụng đến tháng 02/2002 cho lại bà H sử dụng đến nay.

- Nhà và vật kiến trúc khác:

+ Nhà (nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng): xây dựng sau ngày 01/7/2004;

+ Mái che: xây dựng sau ngày 01/7/2004.

- Hiện trạng sử dụng: có nhà ở (nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng).

- Hiện trạng có tranh chấp hay khiếu nại: không.

Căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 02/4/2013 và PH án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khu đất 130.794 m² theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND (được UBND quận TD phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 15/3/2012) và PH án số 06/PA-HĐBT ngày 01/02/2013 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận về điều chỉnh bổ sung PH án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012 (được UBND quận TD phê duyệt tại Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 01/02/2013), Hội đồng Bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án duyệt biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất đối với hộ bà H như sau:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 289.447.300 đồng, trong đó:

- Đất nông nghiệp: bồi thường đất nông nghiệp mặt tiền Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao TD (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương + 50% giá đất ở trung bình khu vực, thuộc thửa 96, a, tờ bản đồ 28 tài liệu năm 2004, diện tích 182,6 m² x hệ số bồi thường, hỗ trợ 1 x hệ số giá bồi thường, hỗ trợ 1 x đơn giá bồi thường 1.560.500đồng/ m² = 284.947.300 đồng.

- Đất thuộc dự án đường Vành đai Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh:

- + Diện tích đất thuộc dự án đường Vành đai Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa 96, tờ bản đồ 28 (tài liệu năm 2004) nằm ngoài ranh dự án: không bồi thường, hỗ trợ, diện tích 36,3 m².

- + Diện tích đất thuộc dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa 96, tờ bản đồ 28 (tài liệu năm 2004) nằm ngoài ranh dự án: không bồi thường, hỗ trợ, diện tích 55,1m²;

- Đất lưng đường ống nước: không bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích đất thuộc lưng ống cấp nước D600 = 2 m² và D1000 = 3,3 m².

- Nhà - vật kiến trúc - công trình phụ:

- + Nhà (kết cấu: mái tole, không trần, vách xây, cột xây, nền men), nằm ngoài ranh xây dựng sau ngày 01/7/2004, diện tích 62,04 m², không bồi thường, hỗ trợ;

- + Mái che (kết cấu: mái tole, không trần, không vách, cột sắt, nền đất), xây dựng sau ngày 01/7/2004, diện tích 106,78 m², không bồi thường, hỗ trợ;

- Tài sản khác khác: điện kế chính (01 cái); giếng khoan sâu 60m (01 cái) và thủy kế chính (01 cái) ngoài ranh, không bồi thường, hỗ trợ.

- Các khoản hỗ trợ khác: 2.000.000 đồng (hỗ trợ di chuyển nhà).

- Khen thưởng: 2.500.000 đồng (thưởng chấp hành tốt việc di dời).

Ngày 01/11/2013, UBND quận TD ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương đối với hộ bà H. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 289.447.300 đồng.

Sau khi nhận Quyết định số 6213/QĐ-UBND, bà H có đơn khiếu nại đề nghị xem xét lại nguồn gốc pháp lý sử dụng nhà, đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với nhà và đất.

Ngày 06/01/2014, UBND phường Linh Trung lập Giấy xác nhận số 09/GXN-UBND về nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất thời điểm xây dựng, tạo lập nhà và công trình đối với hộ bà H.

Ngày 22/8/2014, Văn phòng UBND quận TD ban hành Thông báo số 1076/TB-VP về kết luận của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng quận TD tại cuộc họp ngày 13/8/2014.

Ngày 16/9/2014, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận lập Biên bản làm việc với các hộ ông Vũ Quang Trung, hộ bà Vũ Thị H và ông Vũ Quang Trung với bà Vũ Thị Liên, nội dung:

“Hội đồng thống nhất bồi thường 01 hạn mức đất ở 200 m² cho 03 hồ sơ và qua tiếp xúc gia đình đồng ý như sau: Hộ ông Vũ Quang Trung, đất ở: 70 m²; Hộ bà Vũ Thị Liên, đất ở: 70 m²; Hộ bà Vũ Thị H, đất ở: 60 m². Gia đình thống nhất với cách tính trên...”.

Ngày 25/9/2014, Hội đồng Bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án duyệt Biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (bổ sung) đối với hộ bà H như sau:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 795.030.000đồng, trong đó:

- Đất ở: bồi thường đất ở mặt tiền Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao TD (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương, đất có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 26/9/1984 (trước thời điểm đăng ký 299/TTg), có nhà xây dựng trước ngày 15/10/1993 không trừ tiền sử dụng đất, thuộc thửa 96, tờ bản đồ 28 (tài liệu năm 2004), diện tích 60 m² x hệ số bồi thường 1 x hệ số giá bồi thường 1 x đơn giá bồi thường 14.811.000đồng/ m² = 888.660.000 đồng.

- Đất nông nghiệp: khấu trừ số tiền đã nhận theo đơn giá đất nông nghiệp mặt tiền Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao TD (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương + 50% giá

đất ở trung bình khu vực, diện tích 60 m² x hệ số bồi thường, hỗ trợ -1 x hệ số giá bồi thường, hỗ trợ 1 x đơn giá bồi thường, hỗ trợ 1.560.500đồng/ m² = -93.630.000 đồng.

Ngày 01/10/2014, UBND quận TD ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương đối với hộ bà H. Tổng số tiền là: 795.030.000 đồng.

Không đồng ý với chính sách bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 6213/QĐ-UBND và Quyết định số 6101/QĐ-UBND, bà H làm đơn khiếu nại đến UBND quận TD. Việc khiếu nại của bà H đã được Chủ tịch UBND quận TD giải quyết tại Quyết định số 7589/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 6213/QĐ-UBND và Quyết định số 6101/QĐ-UBND.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận TD, bà H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố và được xem xét giải quyết tại Quyết định số 1128/QĐ-UBND với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 7589/QĐ-UBND.

Người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện.

Tại văn bản ngày 24/9/2018, người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

1. Về rà soát việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1128/QĐ-UBND:

a. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Phần đất có diện tích 847 m², trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, là đất “công thổ quốc gia”. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, theo Tài liệu 299/TTg, phần đất trên thuộc một phần Thửa 474, loại đất: “Hoang đồng bằng” và một phần Thửa 137, loại đất: “Màu”, Tờ bản đồ số 1, xã Tăng Nhơn Phú do UBND Xã đăng ký. Theo Tài liệu 02/CT-UB, không có tổ chức nào đăng ký. Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu Hiền sử dụng từ sau 30 tháng 4 năm 1975 đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Văn Sang sử dụng, đến năm 1990 sang nhượng lại cho ông Phan Thanh Bình sử dụng. Trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, ông Bình có xây dựng 01 căn nhà, diện tích 48 m². Đến tháng 11 năm 1999, ông Bình tự lập giấy tay chuyển nhượng lại nhà, đất thành 03 phần cho ông Vũ Quang Trung, ông Trung và bà Vũ Thị Liên (vợ ông Trung), ông Vũ Tiến Lạng (em bà Liên). Đến năm 2002, ông Lạng giao lại phần

đất trên cho bà Vũ Thị H (con ruột ông Trung và bà Liên) sử dụng cho đến nay. Việc cho đất canh tác, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nêu trên) đều bằng giấy tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

b. Về nội dung khiếu nại:

* Về yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 127,9 m² (187,9 m² – 60 m²) với đơn giá đất ở là 14.811.000 đồng/ m²:

Phần diện tích đất 187,9 m²/279,2 m² do bà H sử dụng bị thu hồi, có nguồn gốc đã từng tồn tại một phần căn nhà do ông Bình sử dụng từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993. Đồng thời, diện tích đất do vợ chồng ông Trung, bà Liên và con gái là bà H sử dụng có chung một nguồn gốc, một quá trình sử dụng nên việc UBND quận TD vận dụng Văn bản số 6664/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của UBND Thành phố để giải quyết hỗ trợ đất ở cho cả 03 hộ ông Trung, bà Liên và ông Trung và bà H với hạn mức 200 m², trong đó theo thỏa thuận bà H được hỗ trợ 60 m²/187,9 m² đất ở, là phù hợp.

Bên cạnh đó, xét về bản chất và nguồn gốc sử dụng đất thì ông Bình nêu vẫn đang là người sử dụng đất và bị thu hồi đất thì cũng chỉ được hỗ trợ về đất ở bằng 100% đơn giá đối với hạn mức 200 m². Phần diện tích đất ở vượt hạn mức và phần diện tích đất vườn ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp...(theo điểm a khoản 7.2 Điều 7 Phần IV PH án số 26/PA-HĐBT).

Căn cứ Công văn số 4733/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống nước dọc Xa lộ Hà Nội trên địa bàn quận Thủ Đức và quận TD (đã được UBND Thành phố chấp thuận tại Văn bản số 2993/UBND-ĐTMT ngày 23 tháng 6 năm 2009) có nêu: “Tuyến ống nước lọc D1000 từ Nhà máy nước Bình An về Nhà máy nước TD: Căn cứ Quyết định số 6158/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 12 năm 1996 của UBND Thành phố về điều chỉnh di chuyển nhà ở, các hộ dân cư, vật kiến trúc nằm trong hành lang quy hoạch xây dựng tuyến ống nước D1000 Nhà máy nước Bình An...không tính bồi thường phần diện tích lưng ống nước là 1m...và không tính bồi thường phần diện tích lưng ống nước là 0,6m”. Đối chiếu với quy định trên, việc UBND quận TD không bồi thường phần diện tích đất thuộc lưng ống nước 5,3 m²/187,9 m² do bà H sử dụng, là đúng quy định.

Căn cứ khoản 14.2, Điều 14, Phần IV của PH án số 26/PA-HĐBT quy định: “Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố hàng năm; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức đất ở theo quy định”, việc UBND quận TD bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất còn lại 122,6 m²/187,9 m² theo đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (50% giá đất ở trung bình của khu vực quy định trong bảng giá đất) là 1.560.500 đồng/ m², là đúng quy định.

Từ những lý do trên, việc bà H yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 127,9 m² (187,9 m² – 60 m²) với đơn giá đất ở là 14.811.000 đồng/ m², là không có cơ sở xem xét.

* Về yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích mái che 106,78 m²:

Căn cứ khoản 1.2, Mục 1, Phần V PH án số 26/PA-HĐBT quy định: “Nhà ở, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:...Thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau, hoặc khi xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng (bị xử lý hành chính về hành vi xây dựng trái phép) thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép đó phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí khi cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ”.

Giấy xác nhận số 09/GXN-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2014 của UBND phường Linh Trung xác định: “mái che được xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004”. Do đó, căn cứ quy định trên, việc bà H yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích mái che 106,78 m² (mà bà H cho rằng được xây dựng năm 2000 nhưng không có giấy tờ chứng minh), là không có cơ sở giải quyết.

Do đó, UBND Thành phố đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1128/QĐ-UBND.

Tại Đơn đề nghị ngày 09/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Quang Trung, bà Vũ Thị Liên trình bày: Các ông, bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1545/2019/HC-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/03/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H, quận Thủ Đức.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại do cưỡng chế bồi thường trái pháp luật do người khởi kiện rút yêu cầu.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu giao trả lại toàn bộ phần diện tích nhà đất 20/24B đường Xa lộ Hà Nội, Tổ 10, Khu phố 6, phường Linh Trung, quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh do cưỡng chế trái quy định pháp luật do không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019 đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân D có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ thị H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Căn cứ vào nguồn gốc đất thì đất này là của ông Bình sau đó chuyển nhượng lại cho ông Vũ Quang Trung, ông Trung và bà Vũ Thị Liên (vợ ông Trung), ông Vũ Tiến Lạng (em bà Liên). Do trước đó trên đất có nhà của ông Bình nên Ủy ban đã xem xét bồi thường theo đơn giá đất ở cho 3 hộ trên là 180 m² là có lợi cho người

dân vì nếu ông Bình còn sử dụng thì cũng chỉ được bồi thường giá đất ở với diện tích như trên, hơn nữa việc bồi thường cho 3 hộ trên là đúng theo sự thỏa thuận của họ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H đề nghị hủy Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban Nhân dân Quận TD và Quyết định số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Quận TD, Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014; Quyết định số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018:

[1.1] Theo Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý tại phường Linh Trung và Linh Xuân quận TD và Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung Quyết định số 3453/QĐ-UB thì Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi diện tích đất

108,897 ha đất nằm trong khu vực quy hoạch đầu tư xây dựng Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh tại phường Linh Trung và Linh Xuân quận TD, trong đó giao 130.794 m² thuộc lộ giới đường xa lộ Hà Nội và đường Trường Sơn cho Ủy ban Nhân dân quận TD để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng đủ lộ giới đường xa lộ Hà Nội và đường Trường Sơn, trong đó có diện tích đất của bà Vũ Thị H. Căn cứ vào bản đồ hiện trạng vị trí để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 25/01/2003 và biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương thì diện tích đất của bà H bị giải tỏa là 187,9 m² thuộc một phần thửa 96, tờ bản đồ số 28, tài sản trên đất bị giải tỏa là mái che $3,76 \times 28,4 = 106,78$ m². Do đó, căn cứ vào biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/11/2013 UBND quận TD ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà H là 289.447.300 đồng, đến ngày 01/10/2014 UBND quận TD ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà H theo biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất (bổ sung) ngày 25/9/2014 với số tiền là 795.030.000 đồng. Không đồng ý với quyết định Quyết định 6101/QĐ-UBND nên bà H khiếu nại, ngày 07/10/2014 Ủy ban Nhân dân quận TD nhận được đơn khiếu nại của bà H thì đến ngày 13/11/2014 Chủ tịch UBND Quận TD ban hành Quyết định số 7589/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà H. Ngày 08/12/2014 bà H có đơn khiếu nại đối với Quyết định 7589/QĐ-UBND, ngày 24/3/2018 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà H.

[1.2] Như vậy, Việc Ủy ban Nhân dân quận TD ban hành các quyết định số 6123/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-9-2009. Chủ tịch UBND quận TD ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và đúng thời hạn theo các Điều 18, 27, 28, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 21, 36, 38, 40 Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại là chưa đúng thời hạn vì theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai đối

với vụ việc phức tạp là không quá 70 ngày kể từ ngày thụ lý. Ngày 08/12/2014 bà H có đơn khiếu nại đối với Quyết định 7589/QĐ-UBND đến ngày 24/3/2018 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh mới ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà H là hơn 03 năm.

[2] Về nội dung các Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND Quận TD; Quyết định số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND quận TD; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.1] Theo bản đồ hiện trạng vị trí để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 25/01/2003 và biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông TD (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương thì diện tích đất của bà H bị giải tỏa là 187,9 m² thuộc một phần thửa 96, tờ bản đồ số 28. Nguồn gốc diện tích đất này là nằm trong tổng diện tích 847 m², trước năm 1975 là thuộc đất “công thổ quốc gia”, sau ngày 30/4/1975 diện tích đất 847 m² này thuộc một phần thửa 474, loại đất “Hoang đồng bằng” và một phần thửa 137, loại đất “Màu”, tờ bản đồ số 1, xã Tăng Nhơn Phú do UBND xã đăng ký. Theo tài liệu 02/CT-UB, không có tổ chức nào đăng ký. Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu Hiền sử dụng từ sau 30/4/1975 đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Văn Sang sử dụng, đến năm 1990 nhượng lại cho ông Phan Thanh Bình sử dụng. Trước ngày 15/10/1993, ông Bình có xây dựng 01 căn nhà diện tích 48 m². Đến năm 1999 ông Bình lập giấy tay chuyển nhượng lại nhà đất thành 03 phần cho ông Vũ Quang Trung, ông Trung và bà Vũ Thị Liên (vợ ông Trung), ông Vũ Tiến Lạng (em bà Liên). Đến năm 2002 thì ông Lạng giao lại phần đất trên cho bà H (Con ruột của ông Trung, bà Liên) sử dụng cho đến nay.

[2.2] Theo tờ đăng ký nhà - đất do ông Phan Thanh Bình kê khai ngày 22/8/1999 thể hiện “nhà thô sơ, diện tích 48 m², kết cấu mái lợp lá, tường xây, nền xi măng; mục đích sử dụng: để ở và nuôi heo”, vị trí căn nhà này nằm ngang khu đất thuộc cả 3 thửa 95, 96, 97 tờ bản đồ 28 (TL 2004). Như vậy, phần diện tích đất mà ông Trung, bà Liên và con gái là bà H sử dụng có chung một nguồn gốc, do đó UBND quận TD vận dụng văn bản số 6664/UBND-ĐTMT ngày 12/12/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho cả 3 hộ ông Trung, bà Liên và ông Trung, bà H với hạn mức 200 m² đất ở, theo đó bà H được hỗ trợ 60 m² đất ở với đơn giá 14.811.000 đồng/ m² là đúng với quy định tại Nghị định 197/2004/NĐ=CP; Nghị Định 69/2009/NĐ-CP, đúng với điểm a khoản 7.2 Điều 7 Phần IV của pH án số 26/PA-HĐBT và cũng phù hợp với yêu cầu của bà H tại biên bản thỏa thuận ngày

16/9/2014 giữa ông Trung, bà Liên và bà H. Đối với diện tích đất còn lại của bà H là 122,6 m² thì UBND quận TD bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư (50% giá đất ở trung bình của khu vực quy định trong bản giá đất) là 1.560.500 đồng/ m² là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Đối với phần diện tích 5,3m² /187,9 m² là thuộc lưng ống cấp nước D1000=3,3 m² và lưng ống nước D600=2,0 m² nên UBND quận TD không bồi thường là phù hợp với Công văn số 4733/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 04/6/2009 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố về việc giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống nước dọc xa lộ Hà Nội trên địa bàn quận TD.

[4] Đối với tài sản trên đất bị thu hồi là diện tích mái che 106,78 m²: theo nội dung giấy xác nhận số 09/GXN -UBND ngày 06/01/2014 của UBND phường Linh Trung xác định “mái che được xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004” như vậy đối chiếu với Khoản 1.2, Mục 1, Phần V PH án số 26/PA-HĐBT thì không được bồi thường. Việc bà H cho rằng phần mái che được xây dựng năm 2000 nhưng không cung được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng UBND quận TD ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND và Quyết định 6101/QĐ-UBND có nội dung bồi thường, hỗ trợ cho bà H đối với diện tích đất bị thu hồi, giải tỏa 187,9 m² với tổng số tiền 1.084.477.300 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó Chủ tịch UBND quận TD ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7589/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H là có cơ sở.

[6] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1128/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch UBND Tp. Hồ Chí Minh tuy ban hành không đúng thời hạn nhưng xét nội dung của Quyết định không chấp nhận khiếu nại của bà H là có căn cứ nên không cần thiết phải hủy quyết định này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-9-2009 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 18, 21, 27, 28, 30, 31, 36, 37, 38, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bác kháng cáo của bà Vũ Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án Hành chính sơ thẩm số 1545/2019/HC-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 6101/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Thủ Đức (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương; Quyết định số 7589/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 24/03/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị H, quận Thủ Đức.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 0044966 ngày 27/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Vũ thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/0045351 ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh